

SỞ GD & ĐT TÂY NINH  
TRƯỜNG THPT CẦN ĐUỐC  
CẤU TRÚC VÀ MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 MÔN LỊCH SỬ  
NĂM HỌC: 2025- 2026

A/ KHỐI 10:

I/ Nội dung ôn tập

- Bài 4: Văn minh Ai Cập cổ đại
- Bài 6: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại.
- Bài 7: Văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại.
- Bài 9: Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

II/Cấu trúc:

1/ Phần trắc nghiệm khách quan: (7,0 điểm)

a/ TNKQ nhiều lựa chọn (12 câu: 3,0 điểm; mỗi câu 0,25 điểm).

- Biết (8 câu): Câu 1, 2, 3, 4 (bài 4), câu 5, 6 (bài 6), câu 7 (bài 7), câu 8 (bài 9).
- Hiểu (4 câu): câu 9 (bài 6), câu 10, 11 (bài 7), câu 12 (bài 9).

b/ TNKQ đúng – sai (4,0 điểm; mỗi câu: 1,0 điểm và 4 ý: 1B - 1H - 2VD; mỗi ý Đ/S: 0,25 điểm)

- Câu 1 (bài 6), câu 2 (bài 7), câu 3, 4 (bài 9).

2/ Phần tự luận: (3,0 điểm; mỗi ý đúng 0,25).

- Câu 1 - B: Bài 6 (1,0 điểm)
- Câu 2 – H: Bài 7 (1,0 điểm)
- Câu 3 – VD: Bài 9 (1,0 điểm)

III/ Ma trận, đặc tả

\* Ma trận:

| TT | Chủ đề/Chương                                                   | Nội dung/đơn vị kiến thức             | Mức độ đánh giá |   |    |            |      |        |         |   |    | Tổng  |       |    | Tỉ lệ % điểm |
|----|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------|---|----|------------|------|--------|---------|---|----|-------|-------|----|--------------|
|    |                                                                 |                                       | TNKQ            |   |    |            |      |        | Tự luận |   |    |       |       |    |              |
|    |                                                                 |                                       | Nhiều lựa chọn  |   |    | Đúng - Sai |      |        |         |   |    |       |       |    |              |
|    |                                                                 |                                       | B               | H | VD | B          | H    | VD     | B       | H | VD | B     | H     | VD |              |
| 1  | CHƯƠNG III:<br>MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI | Bài 4: Văn minh Ai Cập cổ đại.        | 4               |   |    |            |      |        |         |   |    | 4     |       |    | 10           |
|    |                                                                 | Bài 6: Văn minh Ấn Độ Cổ trung đại    | 2               | 1 |    | 1(a)       | 1(b) | 1(c,d) | 1       |   |    | 3+1TL | 2     | 2  | 27.5         |
|    |                                                                 | Bài 7: Văn minh Hy Lạp- La Mã cổ đại. | 1               | 2 |    | 1(a)       | 1(b) | 1(c,d) |         | 1 |    | 2     | 3+1TL | 2  | 27.5         |

|                     |                                                                                             |                                                             |     |   |  |      |      |        |     |   |   |        |       |       |    |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----|---|--|------|------|--------|-----|---|---|--------|-------|-------|----|
| 2                   | <b>CHƯƠNG IV:<br/>CÁC CUỘC<br/>CÁCH MẠNG<br/>CÔNG NGHIỆP<br/>TRONG LỊCH<br/>SỬ THẾ GIỚI</b> | <i>Bài 9: Cách mạng<br/>công nghiệp thời<br/>kì cận đại</i> | 1   | 1 |  | 2(a) | 2(b) | 2(c,d) |     |   | 1 | 3      | 3     | 4+1TL | 35 |
| <b>Tổng số câu</b>  |                                                                                             |                                                             | 8   | 4 |  | 4(a) | 4(b) | 4(c,d) | 1   | 1 | 1 | 12+1TL | 8+1TL | 8+1TL |    |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                             |                                                             | 3,0 |   |  | 4,0  |      |        | 3,0 |   |   | 4,0    | 3,0   | 3,0   |    |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |                                                                                             |                                                             | 30  |   |  | 40   |      |        | 30  |   |   | 40     | 30    | 30    |    |

## **B/ KHỎI 11**

### **I/ Nội dung ôn tập**

- **Bài 3:** Liên bang CHXHCN Xô Viết ra đời và sự phát triển của CNXH sau CTTG thứ hai

**Học phần: 1/ Sự thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết.**

- **Bài 4:** Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.

- **Bài 5:** Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.

### **II/Cấu trúc:**

#### **1/ Phần trắc nghiệm (7,0đ)**

**a/Phần trắc nghiệm: (12 câu – 3.0 điểm, mỗi câu 0.25 điểm)**

- Biết (8 câu) : Câu 1,2,3,4 (bài 3); câu 5,6 (bài 4); câu 7,8 (bài 5).

- Hiểu (4 câu): Câu 9,10 (bài 4); câu 11,12 (bài 5).

**b/ TNKQ đúng – sai (4 câu: 4,0 điểm; mỗi câu 1,0 điểm, có 4 ý: 1B - 1H - 2VD; mỗi ý Đ/S: 0,25 điểm)**

- Câu 1 (bài 4), câu 2 (bài 5), câu 3 (bài 4), câu 4 (bài 5).

#### **2/ Phần tự luận: (3,0 điểm; mỗi ý 0,25 điểm)**

- Câu 1 – **B:** (1,0 điểm): Bài 4

- Câu 2 – **H:** (1,0 điểm): Bài 5

- Câu 3 – **VD:** (1,0 điểm): Bài 4

### **III/ Ma trận**

| TT | Chủ đề/Chương                            | Nội dung/đơn vị kiến thức                          | Mức độ đánh giá |   |    |            |   |    |         |   |    | Tổng |   |    | Tỉ lệ %<br>điểm |
|----|------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------|---|----|------------|---|----|---------|---|----|------|---|----|-----------------|
|    |                                          |                                                    | TNKQ            |   |    |            |   |    | Tự luận |   |    |      |   |    |                 |
|    |                                          |                                                    | Nhiều lựa chọn  |   |    | Đúng - Sai |   |    |         |   |    |      |   |    |                 |
|    |                                          |                                                    | B               | H | VD | B          | H | VD | B       | H | VD | B    | H | VD |                 |
|    | Chương 2: CNXH<br>TỪ NĂM 1917<br>ĐẾN NAY | Bài 3: Liên bang<br>CHXHCN Xô<br>Viết ra đời và sự | 4               |   |    |            |   |    |         |   |    | 4    |   |    | 10              |

|                     |                                                                      |                                                                                  |     |   |  |      |      |        |     |   |   |        |       |       |    |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----|---|--|------|------|--------|-----|---|---|--------|-------|-------|----|
|                     |                                                                      | <i>phát triển của CNXH sau CTTG thứ hai.</i>                                     |     |   |  |      |      |        |     |   |   |        |       |       |    |
|                     |                                                                      | <i>Bài 4: Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.</i>                              | 2   | 2 |  | 2(a) | 2(b) | 2(c,d) | 1   |   | 1 | 4+1TL  | 4     | 4+1TL | 50 |
| 2                   | <b>Chương 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á</b> | <i>Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á.</i> | 2   | 2 |  | 2(a) | 2(b) | 2(c,d) |     | 1 |   | 4      | 4+1TL | 4     | 40 |
| <b>Tổng số câu</b>  |                                                                      |                                                                                  | 8   | 4 |  | 4(a) | 4(b) | 4(c,d) | 1   | 1 | 1 | 12+1TL | 8+1TL | 8+1TL |    |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                      |                                                                                  | 3,0 |   |  | 4,0  |      |        | 3,0 |   |   | 4,0    | 3,0   | 3,0   |    |
| <b>Tỉ lệ %</b>      |                                                                      |                                                                                  | 30  |   |  | 40   |      |        | 30  |   |   | 40     | 30    | 30    |    |

## **C/ KHỎI 12**

### **1/ Nội dung ôn tập**

- Bài 7: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).
- + **Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953-1954)**
- + **Nguyên nhân thắng lợi.**
- Bài 8: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).
- Bài 9: Đấu tranh bảo vệ .....1945 đến nay

**Học phần 4: Một số bài học lịch sử các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc từ năm 1945 đến nay.**

- Bài 10: Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay.
- Bài 11: Thành tựu cơ bản và bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

### **II/Cấu trúc:**

#### **1/ Phần trắc nghiệm khách quan: (7,0 điểm)**

##### **a/ TNKQ nhiều lựa chọn (12 câu: 3,0 điểm; mỗi câu 0,25 điểm)**

- Biết (8 câu): Câu 1,2,3,4 (bài 7); câu 5,6 (bài 8); câu 7 (bài 10); câu 8 (bài 11).
- Hiểu (4 câu): Câu 9 (bài 8), câu 10 (bài 10), câu 11, 12 (bài 11).

##### **b/ TNKQ đúng – sai (4 câu: 4,0 điểm; mỗi câu 1,0 đ và có 4 ý: 1B - 1H - 2VD, mỗi ý Đ/S: 0,25 đ)**

Câu 1 (bài 8), câu 3 (bài 10), câu 3, 4 (bài 11).

#### **2/ Phần tự luận: (3,0 điểm; mỗi ý: 0,25 điểm).**

- Câu 1 – B (1,0điểm): Bài 10
- Câu 2 – H (1,0 điểm): Bài 8.
- Câu 3 – VD (1,0 điểm): Bài 9.

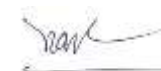
### III/ Ma trận, đặc tả:

\* Ma trận

| TT           | Chủ đề/Chương                                                                              | Nội dung/đơn vị kiến thức                                                                             | Mức độ đánh giá |   |    |            |      |        |         |   |    | Tổng   |       |       | Tỉ lệ % điểm |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---|----|------------|------|--------|---------|---|----|--------|-------|-------|--------------|
|              |                                                                                            |                                                                                                       | TNKQ            |   |    |            |      |        | Tự luận |   |    |        |       |       |              |
|              |                                                                                            |                                                                                                       | Nhiều lựa chọn  |   |    | Đúng - Sai |      |        |         |   |    |        |       |       |              |
|              |                                                                                            |                                                                                                       | B               | H | VD | B          | H    | VD     | B       | H | VD | B      | H     | VD    |              |
| 1            | CHƯƠNG 3 - CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945...LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY) | Bài 7: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954).                                              | 4               |   |    |            |      |        |         |   |    | 4      |       |       | 10           |
|              |                                                                                            | Bài 8: Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975).                                                | 2               | 1 |    | 1(a)       | 1(b) | 1(c,d) |         | 1 |    | 3      | 2+1TL | 2     | 27.5         |
|              |                                                                                            | Bài 9: Đấu tranh bảo vệ .....1945 đến nay.                                                            |                 |   |    |            |      |        |         |   | 1  |        |       | 1TL   | 10           |
| 2            | CHƯƠNG 4: CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY                                 | Bài 10: Khái quát về công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay.                                           | 1               | 1 |    | 1(a)       | 1(b) | 1(c,d) | 1       |   |    | 2+1TL  | 2     | 2     | 25           |
|              |                                                                                            | Bài 11: Thành tựu cơ bản và bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. | 1               | 2 |    | 2(a)       | (2b) | 2(c,d) |         |   |    | 3      | 4     | 4     | 27.5         |
| Tổng số câu  |                                                                                            |                                                                                                       | 8               | 4 |    | 4(a)       | 4(b) | 4(c,d) | 1       | 1 | 1  | 12+1TL | 8+1TL | 8+1TL |              |
| Tổng số điểm |                                                                                            |                                                                                                       | 3,0             |   |    | 4,0        |      |        | 3,0     |   |    | 4,0    | 3,0   | 3,0   |              |
| Tỉ lệ %      |                                                                                            |                                                                                                       | 30              |   |    | 40         |      |        | 30      |   |    | 40     | 30    | 30    |              |

Cần Đước, ngày 15 tháng 12 năm 2025

TPCM



Đặng Thị Hận